

Số: 28/2024/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích giao đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào
dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định về diện tích giao đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức mà thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tại địa bàn cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Thường trú tại địa phương từ 05 năm trở lên, được Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi thường trú) xác nhận tại thời điểm điều tra, xác định cá nhân được hưởng chính sách.

Điều 3. Diện tích giao đất

1. Diện tích giao đất nông nghiệp

a) Có 01 cá nhân trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Bằng 0,1ha.

b) Có từ 02 đến 04 cá nhân trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Bằng 0,25ha.

c) Có 05 cá nhân trở lên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Bằng 0,33ha.

2. Diện tích giao đất ở tại nông thôn

a) Có 01 cá nhân trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ 70m² đến 100m².

b) Có từ 02 đến 04 cá nhân trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ 100m² đến 200m².

c) Có 05 cá nhân trở lên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ 200m² đến 300m².

3. Diện tích giao đất ở tại đô thị

a) Có 01 cá nhân trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ 36m² đến 80m².

b) Có từ 02 đến 04 cá nhân trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ 80m² đến 150m².

c) Có 05 cá nhân trở lên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo: Từ 150m² đến 200m².

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (nếu có).

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực và Chi cục Thuế huyện phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra, rà soát, lập danh sách các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai, báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

b) Tổ chức đo đạc, xác định diện tích và thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai, gồm các trường hợp vi phạm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai mà không còn nhu cầu sử dụng đất.

c) Lập phương án hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số trên cơ sở quỹ đất quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai; nội dung phương án phải nêu rõ các trường hợp được hỗ trợ, diện tích hỗ trợ, hình thức hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số.

d) Chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2024.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP; các đơn vị trực thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện